

TỪ VÀ CẤU TẠO CỦA TỪ TIẾNG VIỆT

I – TỪ LÀ GÌ ?

1. Lập danh sách các tiếng và danh sách các từ trong câu sau, biết rằng mỗi từ đã được phân cách với từ khác bằng dấu gạch chéo :

Thần / dạy / dân / cách / trồng trọt, / chăn nuôi / và / cách / ăn ở.

(Con Rồng cháu Tiên)

2. Các đơn vị được gọi là *tiếng* và *từ* có gì khác nhau ?

Gợi ý :

- Mỗi loại đơn vị được dùng làm gì ?
- Khi nào một tiếng được coi là một từ ?

Ghi nhớ

Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất dùng để đặt câu.

II – TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC

1. Dựa vào những kiến thức đã học ở bậc Tiểu học, hãy điền các từ trong câu dưới đây vào bảng phân loại :

Từ / đây, / nước / ta / chăm / nghề / trồng trọt, / chăn nuôi / và / có / tục / ngày / Tết / làm / bánh chưng, / bánh giầy.

(Bánh chưng, bánh giầy)

Bảng phân loại

Kiểu cấu tạo từ		Ví dụ
Từ đơn		
Từ phức	Từ ghép	
	Từ láy	

2. Cấu tạo của từ ghép và từ láy có gì giống nhau và có gì khác nhau ?

Ghi nhớ

- **Tiếng** là đơn vị cấu tạo nên từ.
- Từ chỉ gồm một tiếng là **từ đơn**. Từ gồm hai hoặc nhiều tiếng là **từ phức**.
- Những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa được gọi là **từ ghép**. Còn những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng được gọi là **từ láy**.

III – LUYỆN TẬP

1. Đọc câu sau và thực hiện các nhiệm vụ nêu bên dưới :

[...] Người Việt Nam ta – con cháu vua Hùng – khi nhắc đến nguồn gốc của mình, thường xưng là con Rồng cháu Tiên.

(Con Rồng cháu Tiên)

- a) Các từ *nguồn gốc*, *con cháu* thuộc kiểu cấu tạo từ nào ?
- b) Tìm những từ đồng nghĩa với từ *nguồn gốc* trong câu trên.
- c) Tìm thêm các từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc theo kiểu : *con cháu*, *anh chị*, *ông bà*, ...

2. Hãy nêu quy tắc sắp xếp các tiếng trong từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc.

Gợi ý về các khả năng sắp xếp :

- Theo giới tính (nam, nữ) : *anh chị*, ...
- Theo bậc (bậc trên, bậc dưới) : *cha anh*, ...

3. Tên các loại bánh đều được cấu tạo theo công thức "**bánh + x**" : *bánh rán*, *bánh nếp*, *bánh dẻo*, *bánh nướng*, *bánh gối*, *bánh tôm*, *bánh tẻ*, *bánh gai*, *bánh xốp*, *bánh khúc*, *bánh khoai*, ... Theo em, các tiếng đứng sau (kí hiệu **x**) trong những từ ghép trên có thể nêu những đặc điểm gì để phân biệt các thứ bánh với nhau ? Hãy nêu ý kiến của em bằng cách điền những tiếng thích hợp vào các chỗ trống trong bảng sau :

Nêu cách chế biến bánh	(bánh) rán, ...
Nêu tên chất liệu của bánh	(bánh) nếp, ...
Nêu tính chất của bánh	(bánh) dẻo, ...
Nêu hình dáng của bánh	(bánh) gói, ...

4. Từ láy được in đậm trong câu sau miêu tả cái gì ?

*Nghĩ **tủi thân**, công chúa Út ngồi khóc **thút thít**.*

(Nàng Út làm bánh ót)

Hãy tìm những từ láy khác có cùng tác dụng ấy.

5. Thi tìm nhanh các từ láy :

- a) Tả tiếng cười, ví dụ : *khanh khách*
- b) Tả tiếng nói, ví dụ : *ôm ôm*
- c) Tả dáng điệu, ví dụ : *lom khom*

ĐỌC THÊM

Một số từ ghép có tiếng ăn :

ăn học, ăn nói, ăn mặc, ăn ở, ăn chơi, ăn bám, ăn bớt, ăn cắp, ăn cắp, ăn chay, ăn chặn, ăn chực, ăn đong, ăn gian, ăn hàng, ăn hót, ăn hại, ăn khách, ăn không, ăn khớp, ăn nhập, ăn theo, ăn trộm, ăn xối, ăn ý, ...